Tiết 85:

Hướng dẫn đọc thêm:
SỰ GIÀU ĐẸP CỦA TIẾNG VIỆT

A/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp HS:

- Hiểu được trên những nét chung, sự giàu đẹp của tiếng Việt qua sự phân tích, chứng minh của tác giả.
- Nắm được những điểm nổi bật trong nghệ thuật nghị luận của bài văn: lập luận chặt chẽ, chứng cứ toàn diện, văn phong có tính khoa học.

B/ NỘI DUNG BÀI HỌC :

I / Giới thiệu.

1/ Tác giả:

-Đặng Thai Mai (1902 – 1984), quê ở huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An.

-Là nhà văn, nhà nghiên cứu văn học, nhà hoạt động xã hội.

-Trước CMT8-1945 ông dạy học, hoạt động CM, sáng tác và nghiên cứu văn học.

-Sau 1945 giữ nhiều chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền và cơ quan văn nghệ, một số công trình của ông có giá trị lớn.

-Được phong tặng giải thưởng HCM năm 1996.

-TP: Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc.

2/ Tác phẩm:

-Xuất xứ: Bài "Sự giàu đẹp của Tiếng Việt" là đoạn trích ở phần đầu bài nghiên cứu "Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc"

-Thể loại: Văn nghị luận.

-Bố cục: 2 phần

+Đoạn 1 (Từ đầu đến "thời kì lịch sử"): Nêu nhận định Tiếng Việt là một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay và giải thích nhận định ấy.

+Đoạn 2 (Còn lại): Chứng minh cái đẹp và sự giàu có, phong phú của Tiếng Việt.

II/ Tìm hiểu văn bản:

1.Vấn đề nghị luận:

-Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay

2.Giải thích:

-Hài hòa về âm hưởng, thanh điệu: tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu.

-Đủ khả năng diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam; thỏa mãn cho yêu cầu của đời sống văn hóa.

→Ngắn gọn, rõ ràng.

3.Chứng minh:

*Tiếng Việt đẹp:

-Ấn tượng của người nước ngoài khi nghe người Việt nói.

-Hệ thống nguyên âm và phụ âm phong phú, giàu thanh điệu.

-Uyển chuyển, cân đối, nhịp nhàng về cú pháp.

-Từ vựng dồi dào giá trị thơ, nhạc, họa.

*Tiếng Việt hay:
-Có khả năng dồi dào về cấu tạo từ ngữ và hình thức diễn đạt.
-Có sự phát triển về cả từ vựng và ngữ pháp, thích ứng với hoàn cảnh lịch sử.
➔Hai phẩm chất có mối quan hệ gắn bó.

4.Nghệ thuật nghị luận:

-Kết hợp giải thích với chứng minh, bình luận.
-Lập luận chặt chẽ.
-Dẫn chứng toàn diện, bao quát.

III/ TỔNG KẾT:

Ghi nhớ/ sgk/tr37

IV. LUYỆN TẬP: Học sinh làm các bài tập 1 và 2 sgk/ tr 37 ở nhà

1.Ví dụ:
"Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp" (Hồ Chí Minh)
2. Ví dụ:
Bài "Qua Đèo Ngang" (Bà Huyện Thanh Quan)
Bài "Cảnh Khuya" (Hò Chí Minh)
"Cơn gió mùa hạ….nội cỏ An Nam" (Cốm – Thạch Lam)

C/ BÀI TẬP BỔ SUNG:

Sau khi học bài "Sự giàu đẹp của Tiếng Việt" của Đặng Thai Mai, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng nửa trang giấy) trình bày cảm nhận của em về Tiếng Việt.

Tiết 86:

THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU

A/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp hs nắm được trạng ngữ và các loại trạng ngữ trong câu.

B/ NỘI DUNG BÀI HỌC :

I/ Tìm hiểu đặc điểm của trạng ngữ:

Ví dụ: SGK/ tr39
-Dưới bóng tre xanh
-> Bổ sung địa điểm (đầu câu)
-đã từ lâu đời
->Bổ sung thời gian
-đời đời, kiếp kiếp ...
-> Bổ sung thời gian (cuối câu)
-từ nghìn đời nay.
-> Bổ sung thời gian (giữa câu)
Lưu ý

➔Có dấu phẩy (khi viết) hoặc quãng nghỉ (khi nói)

✲Ghi nhớ: SGK/tr 39

II/ Luyện tập: HS giải các bài tập 1, 2, 3/ SGK/ tr39,40
(Sau đó so với đáp án)

BT1: Trong câu b, cụm từ "mùa xuân" làm trạng ngữ.

Câu a: "mùa xuân" làm chủ ngữ và vị ngữ

Câu c: "mùa xuân" làm phụ ngữ trong cụm động từ

Câu d: "mùa xuân" làm câu đặc biệt

BT 2 + 3a

a/

-như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết

->Trạng ngữ chỉ mục cách thức

-khi đi qua những cánh đồng xanh mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi

->Trạng ngữ chỉ thời gian

-trong cái vỏ xanh kia

->Trạng ngữ chỉ nơi chốn

-dưới ánh nắng

->Trạng ngữ chỉ nơi chốn.

b/

-với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta đã nói trên đây

->Trạng ngữ chỉ cách thức

BT 3: HS tự kể và cho VD

C/ BÀI TẬP :

Viết một đoạn văn từ 8 đến 10 câu có sử dụng trạng ngữ và cho biết trạng ngữ đó được dùng để làm gì.

Tiết 87,88

TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

A/ MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

Giúp học sinh nắm được mục đích, tính chất và các yếu tố của phép lập luận chứng minh.

B/ NỘI DUNG BÀI HỌC:

I / Mục đích và phương pháp chứng minh:

1 / Mục đích của phép lập luận chứng minh:

- Chứng minh là đưa ra những bằng chứng để làm sáng tỏ, để chứng tỏ sự đúng đắn của vấn đề.

- Trong văn nghị luận người ta dùng lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định một nhận định, một luận điểm nào đó là đúng.

2/ Phương pháp chứng minh :

Xác định luận điểm chính của văn bản : «Đừng sợ vấp ngã».

- Luận điểm : Đừng lo sợ thất bại

->Đưa ra các sự thật có độ tin cậy và thuyết phục cao để người đọc tin luận điểm đó là đúng.

- Lập luận : Ai cũng từng bị vấp ngã, ngay cả những tên tuổi lẫy lừng.

Tấm gương của :

+ Oan-Đi-Xnây

+ Lui-Pa-Xtơ

+ L. Tôn-Xtôi...

✶Ghi nhớ : SGK/42

III. Luyện tập : SGK/43

Văn bản "Không sợ sai lầm"

+ ***Luận điểm***: Không sợ sai lầm, cần biết rút kinh nghiệm trước những sai lầm để thành công.

+ ***Những câu mang luận điểm:***

- Bạn ơi . . . cuộc đời (Câu đầu)
- Một người . . . tự lập được
- Khi tiến bước . . . sai lầm ?
- Tất nhiên . . . sai lầm
- Những người . . . của mình (Câu cuối)

+ ***Luận cứ:***

- Bạn sợ sặc nước . . .
- Bạn sợ nói sai . . .
- Một người mà không chịu mất gì . . .
- Nếu bạn sợ sai . . .
- Người khác bảo bạn sai . . .
- Có người phạm sai lầm . . .
- Nhưng có người biết suy nghĩ . . .

⇨ Luận cứ hiển nhiên, mang tính thuyết phục cao

⇨ Phương pháp lập luận tổng – phân – hợp

+ ***So sánh cách lập luận:***

- " Đừng sợ vấp ngã": Các dẫn chứng là các nhân vật nổi tiếng
- "Không sợ sai lầm": Các dẫn chứng là những việc hiển nhiên của bản thân và mọi người → dùng lí lẽ chứng minh